

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định thủ tục thẩm định, phê duyệt
đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản**

*Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt
Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định thủ
tục thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về
khoáng sản.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thủ tục thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quy định tại khoản 2, Điều 22, Luật khoáng sản.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Trách nhiệm thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện; thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt, trừ đề án, báo cáo quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

b) Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản do tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư.

2. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam:

a) Nhận xét về chuyên môn đối với đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt;

b) Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ:

Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản khi được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phân cấp, ủy quyền.

Chương II

THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN

Mục 1

Nội dung đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

Điều 3. Nội dung đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

1. Đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (sau đây gọi tắt là đề án) bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Cơ sở pháp lý của việc lập đề án;
- b) Phạm vi thực hiện (vị trí địa lý, tọa độ, diện tích khu vực điều tra);
- c) Đặc điểm địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực điều tra;
- d) Cơ sở tài liệu địa chất, khoáng sản để lập đề án;
- đ) Đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của đề án;
- e) Hệ phương pháp kỹ thuật và khối lượng các dạng công việc;
- g) Dự kiến kết quả sẽ đạt được và sản phẩm sau khi kết thúc đề án;
- h) Kế hoạch thi công và tiến độ thực hiện;
- i) Dự toán kinh phí.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, đề án có thể có các nội dung khác nhưng phải bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Nội dung báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

1. Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (sau đây gọi tắt là báo cáo) bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Cơ sở pháp lý lập báo cáo;

b) Mức độ thực hiện các nhiệm vụ theo đề án được phê duyệt;

c) Phương pháp kỹ thuật chủ yếu đã tiến hành và tính hiệu quả; khối lượng công việc đã thực hiện, những thay đổi so với thiết kế ban đầu; nguyên nhân và cơ sở pháp lý;

d) Kết quả về địa chất, khoáng sản, mức độ hoàn thành so với mục tiêu đề án đã được phê duyệt;

đ) Tồn tại, nguyên nhân và đề xuất;

e) Tổng hợp chi phí đã thực hiện.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, báo cáo có thể có các nội dung khác nhưng phải bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2**Thủ tục thẩm định, phê duyệt đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản****Điều 5. Hồ sơ trình thẩm định đề án**

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định của đơn vị được giao lập đề án;

b) Quyết định giao nhiệm vụ lập đề án của cấp có thẩm quyền;

c) Hồ sơ thẩm định cấp cơ sở, bao gồm: biên bản hội nghị; văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân liên quan; giải trình và tiếp thu góp ý của đơn vị lập đề án;

d) Thuyết minh đề án; các phụ lục, bản vẽ, các tài liệu kèm theo bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 3 của Thông tư này;

đ) Văn bản có liên quan.

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành 05 bộ và nộp về cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Điều 6. Nội dung thẩm định đề án

1. Nội dung thẩm định:

a) Cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và thực tiễn, mức độ tin cậy của thông tin địa chất, khoáng sản để lập đề án;

b) Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về điều tra địa chất, khoáng sản;

c) Tính khả thi, hiệu quả của hệ phương pháp kỹ thuật và khối lượng các dạng công việc đề xuất nhằm giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; sự phù hợp với quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

d) Sự phù hợp giữa khả năng thực hiện nhiệm vụ, khối lượng công việc dự kiến với trang thiết bị kỹ thuật, nhân lực và tiến độ thực hiện của đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện đề án;

đ) Cơ sở lập dự toán kinh phí thực hiện đề án.

2. Nội dung thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Trình tự, thời gian thẩm định đề án

1. Việc thẩm định đề án phải được thực hiện qua 2 cấp gồm: thẩm định cơ sở và thẩm định phê duyệt.

2. Thẩm định cơ sở do đơn vị được giao quản lý, thực hiện đề án thực hiện. Thẩm định phê duyệt được thực hiện thông qua Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Thủ trưởng đơn vị được phân cấp, ủy quyền thành lập theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Thời gian thẩm định phê duyệt không quá 60 ngày làm việc đối với đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; không quá 40 ngày làm việc đối với đề án do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Trường hợp đề án được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phân cấp, ủy quyền phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị quy định trình tự, thời gian thẩm định đề án nhưng không được vượt quá thời gian quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 8. Hội đồng thẩm định phê duyệt đề án

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định đề án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thủ trưởng đơn vị được phân cấp, ủy quyền phê duyệt đề án thành lập Hội đồng thẩm định trước khi phê duyệt đề án.

2. Thành phần Hội đồng tối đa là 15 thành viên gồm: Chủ tịch, tối đa không quá hai Phó chủ tịch, Thư ký, các ủy viên có chuyên môn phù hợp và các nhà khoa học có kinh nghiệm về lĩnh vực địa chất, khoáng sản liên quan đến đề án được thẩm định. Thành viên của đơn vị thực hiện, các tác giả và những người thực hiện đề án trình thẩm định không được tham gia Hội đồng.

3. Đề án phức tạp, có nội dung, khối lượng lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực, có thể thành lập Tổ giúp việc Hội đồng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng có trách nhiệm thẩm định theo nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư này trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hội đồng có quyền yêu cầu đơn vị thực hiện đề án cung cấp tài liệu hoặc giải trình làm rõ những vấn đề liên quan đến nội dung được thẩm định; kiến nghị những vấn đề cần sửa chữa, bổ sung để hoàn chỉnh trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Thủ trưởng đơn vị được phân cấp, ủy quyền về kết quả thẩm định; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng đơn vị về kết quả thẩm định;

d) Ủy viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng và trước pháp luật về nội dung thẩm định được phân công.

5. Hợp Hội đồng thẩm định khi bảo đảm điều kiện sau đây:

a) Có đầy đủ hồ sơ quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Hội đồng có mặt;

c) Đối với đề án quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này, phải có văn bản nhận xét về chuyên môn của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

d) Đối với đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phải có đầy đủ ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

6. Phiếu đánh giá và Biên bản thẩm định của Hội đồng được thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Phê duyệt đề án

1. Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, đơn vị thực hiện có trách nhiệm hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án. Trừ các đề án quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này.

2. Đề án trình phê duyệt phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Đề án được sửa chữa hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định và có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư này;

b) Văn bản đề nghị phê duyệt đề án của đơn vị thực hiện kèm theo các văn bản nhận xét về chuyên môn, Biên bản họp Hội đồng thẩm định, văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đối với nội dung sửa chữa hoàn thiện đề án.

3. Phê duyệt đề án:

a) Vụ Kế hoạch tiếp nhận, kiểm tra và lấy ý kiến các Vụ có liên quan về đề án hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với đề án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Thời gian kiểm tra, trình phê duyệt không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề án hoàn thiện;

b) Thủ trưởng đơn vị phê duyệt đề án theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng thẩm định phê duyệt.

c) Quyết định phê duyệt được thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 3

Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

Điều 10. Hồ sơ trình thẩm định báo cáo

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định của đơn vị thực hiện;

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh đề án của cấp có thẩm quyền và các văn bản khác có liên quan;

c) Biên bản nghiệm thu và xác nhận thanh toán của Kho bạc Nhà nước;

d) Hồ sơ thẩm định cấp cơ sở: biên bản hội nghị, hội thảo; văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân liên quan; giải trình và tiếp thu góp ý của đơn vị lập báo cáo;

đ) Báo cáo gồm bản lời thuyết minh kết quả; phụ lục, bản vẽ và các tài liệu khác kèm theo.

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành 05 bộ và trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Điều 11. Nội dung thẩm định báo cáo

1. Nội dung thẩm định báo cáo bao gồm:

a) Cơ sở, độ tin cậy của tài liệu thu thập, xử lý, tổng hợp để lập báo cáo;

b) Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của các phương pháp kỹ thuật - công nghệ đã áp dụng;

c) Độ tin cậy, tính chính xác của các kết quả điều tra; các kết luận được nêu trong báo cáo;

d) Mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của các kết quả đạt được;

đ) Cấu trúc, hình thức báo cáo, số lượng, chất lượng các sản phẩm giao nộp theo các quy định hiện hành liên quan.

2. Nội dung thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Trình tự, thời gian thẩm định báo cáo

1. Trình tự thẩm định, Hội đồng thẩm định báo cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này. Phiếu đánh giá và Biên bản thẩm định của Hội đồng được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 và Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời gian thẩm định phê duyệt không quá 45 ngày làm việc đối với báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; không quá 35 ngày làm việc đối với báo cáo do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Trường hợp báo cáo được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phân cấp, ủy quyền phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị quy định trình tự, thời gian thẩm định nhưng không được vượt quá thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Phê duyệt báo cáo

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, đơn vị thực hiện có trách nhiệm hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo.

2. Báo cáo trình phê duyệt khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Báo cáo được sửa chữa hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định và có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Thông tư này;

b) Văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo của đơn vị thực hiện kèm theo các văn bản thẩm định chuyên môn, Biên bản họp Hội đồng thẩm định, văn bản giải trình của đơn vị thực hiện về các nội dung đã bổ sung, sửa chữa hoàn thiện báo cáo.

3. Phê duyệt báo cáo:

a) Vụ Kế hoạch tiếp nhận, kiểm tra và lấy ý kiến các Vụ có liên quan về báo cáo đã được hoàn thiện, trình Bộ trưởng phê duyệt. Thời gian kiểm tra, trình phê duyệt không quá 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận báo cáo hoàn thiện;

b) Thủ trưởng đơn vị phê duyệt báo cáo theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng thẩm định phê duyệt.

c) Quyết định phê duyệt báo cáo được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 02 năm 2015
2. Bãi bỏ Chương III, Thông tư số 11/2009/TT-BTNMT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác nghiệm thu kết quả thi công và thẩm định các dự án, báo cáo thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc về nội dung Thông tư này, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, xử lý cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Công báo; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ; Website Bộ TN&MT;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, ĐCKS (200).

de htp

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Ma
Trần Hồng Hà

www.ThuVienPh...
Tel: 84-8-39303276
LawSoft

Phụ lục 1. Mẫu văn bản thẩm định nội dung kỹ thuật đề án

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31 tháng 1 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../ĐC

Địa danh, ngày tháng năm.....

VĂN BẢN THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KỸ THUẬT ĐỀ ÁN

Tên đề án:

Chủ nhiệm:

Đơn vị thực hiện:

Thành viên Tổ kiểm tra (thẩm định) gồm:.....

Nội dung kiểm tra (thẩm định):

1. Về tính cấp thiết của đề án.
2. Cơ sở pháp lý, cơ sở tài liệu, mức độ tin cậy của các thông tin để lập đề án
 - Cơ sở pháp lý.
 - Cơ sở tài liệu địa chất, khoáng sản.
3. Nội dung công việc, giải pháp kỹ thuật công nghệ, khối lượng sản phẩm
 - 3.1. Nội dung công việc và các giải pháp kỹ thuật công nghệ.
 - 3.2. Hệ phương pháp, khối lượng và điều kiện thi công.
4. Sản phẩm dự kiến hoàn thành.
5. Tổ chức thực hiện, tiến độ thi công và tính khả thi, hiệu quả của đề án.
6. Kiến nghị điều chỉnh, hoàn thiện.
7. Đánh giá chung:
 - Đề án đáp ứng hoặc không đáp ứng yêu cầu.
 - Đề nghị Hội đồng thẩm định thông qua hoặc không thông qua.
 - Ý kiến khác.

Những người kiểm tra (thẩm định)

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(xác nhận)

Nguyễn Văn A, tổng hợp

Nguyễn Văn B

Nguyễn Văn C

Phụ lục 2. Mẫu văn bản thẩm định dự toán kinh tế đề án

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31/tháng 12/năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../KH-TC

Địa danh, ngày tháng năm.....

VĂN BẢN THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN KINH TẾ ĐỀ ÁN

Tên đề án:

Chủ nhiệm:

Đơn vị thực hiện:

Thành viên Tổ thẩm định gồm:.....

Nội dung thẩm định:

1. Về tính cấp thiết của đề án.
2. Cơ sở pháp lý, cơ sở tài liệu, mức độ tin cậy của các thông tin đề lập đề án.
3. Dự toán kinh tế
 - 3.1. Các căn cứ lập dự toán.
 - 3.2. Tính hợp lý của danh mục công việc trong dự toán so với quy định hiện hành về lập dự toán.
 - 3.3. Sự phù hợp khối lượng hạng mục công việc đưa vào tính dự toán so với khối lượng thiết kế của đề án.
 - 3.4. Đánh giá mức độ hợp lý của đơn giá các hạng mục công việc trong dự toán.
 - 3.5. Giá trị dự toán của đề án
4. Kiến nghị điều chỉnh, hoàn thiện.
5. Đánh giá chung
 - Đề án đáp ứng hoặc không đáp ứng yêu cầu.
 - Đề nghị Hội đồng thẩm định thông qua hoặc không thông qua.

Những người thẩm định

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(xác nhận)

Nguyễn Văn A, tổng hợp

Nguyễn Văn B

Nguyễn Văn C

Phụ lục 3. Mẫu phiếu đánh giá đề án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CƠ QUAN QUẢN LÝ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN

Tên đề án:

Đơn vị thực hiện:

Chủ nhiệm:

Ủy viên Hội đồng:

Đơn vị công tác:

Các chỉ tiêu đánh giá:

1. Về sự cần thiết và tính cấp bách của đề án: Có Chưa có
2. Cơ sở pháp lý: Đủ Chưa đủ
3. Cơ sở tài liệu để lập đề án
4. Các nhiệm vụ cụ thể
5. Hệ phương pháp kỹ thuật
6. Khối lượng công việc:
7. Sản phẩm dự kiến giao nộp
8. Căn cứ, phương pháp và nội dung xác định dự toán kinh phí
9. Tính khả thi và tính hiệu quả của đề án
10. Kiến nghị
11. Đánh giá chung: Thông qua Thông qua có sửa chữa
 Không thông qua

Ủy viên Hội đồng
(Ký)

Phụ lục 4. Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định đề án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 21 tháng 1 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CƠ QUAN QUẢN LÝ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BBTD

Địa danh, ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN

Tên đề án:

Chức nhiệm:

Đơn vị thực hiện:

Thành phần tham dự:

- Số ủy viên Hội đồng tham dự / tổng số ủy viên Hội đồng (kèm theo quyết định số ngày .../.../.. của Thủ trưởng cơ quan chủ quản đầu tư, có danh sách kèm theo), khách mời tham gia Hội đồng.

- Các ủy viên Hội đồng vắng mặt:

- Về phía đơn vị thực hiện, có

I. Nội dung hội nghị:

1. Chủ nhiệm đề án trình bày những nội dung cơ bản của đề án

2. Cơ quan thẩm định trình bày các văn bản thẩm định đề án (có các văn bản thẩm định kèm theo)

3. Hội nghị trao đổi, thảo luận những vấn đề sau:

4. Hội nghị thống nhất kết luận như sau:

4.1. Về sự cần thiết và tính cấp bách của đề án:

4.2. Về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và thực tiễn, mức độ tin cậy của các thông tin dữ liệu để lập đề án:

- Cơ sở pháp lý

- Cơ sở khoa học và thực tiễn, mức độ tin cậy của các tài liệu

4.3. Nội dung công việc, giải pháp kỹ thuật công nghệ, khối lượng

- Nội dung công việc và các giải pháp kỹ thuật công nghệ

- Hệ phương pháp, khối lượng công việc (phương tiện, thiết bị,

điều kiện thi công)

4.4. Sản phẩm dự kiến giao nộp

4.5. Tổ chức thực hiện và tiến độ thi công

4.6. Tính khả thi và tính hiệu quả của đề án

4.7. Dự toán kinh phí

II. Đánh giá chung:

- Hội đồng thông qua đề án: số phiếu thông qua / tổng số phiếu đánh giá.

- Hội đồng thông không qua: số phiếu không thông qua / tổng số phiếu đánh giá.

III. Kiến nghị của Hội đồng

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Phụ lục 5. Mẫu Quyết định phê duyệt đề án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 201

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung và dự toán đề án ...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG*

Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số;

Căn cứ Thông tư số....;

Xét đề nghị của Đơn vị ... tại Tờ trình số .../ ngày... về việc phê duyệt đề án ...;

Theo đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung và dự toán đề án với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

2. Nhiệm vụ

3. Phạm vi thực hiện đề án

4. Đơn vị chủ trì đề án

5. Sản phẩm của đề án

6. Thời gian thực hiện

7. Nội dung, khối lượng, dự toán kinh phí hạng mục công việc (Tuỳ loại đề án có thể chi tiết bằng phụ lục cho phù hợp)

TT	Nội dung hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ kinh phí		Ghi chú
						Năm...	Năm ...	
1								
2								

* Trường hợp do Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền thì mẫu văn bản có thể được thay đổi cho phù hợp

8. Tổng dự toán kinh phí: (bằng số ... và bằng chữ ...) và phân kỳ thực hiện:

9. Nguồn vốn: Kinh phí sự nghiệp.... (Loại..., khoản ...) do Bộ Tài nguyên và Môi trường bố trí theo kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm.

10. Tổ chức thực hiện

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch (hoặc Kế hoạch, Tài chính), Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Đơn vị (chủ trì thực hiện đề án) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ/ngành liên quan khác (nếu có);
- Lưu VP, Vụ TC, KH.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục 7. Mẫu văn bản thẩm định nội dung báo cáo kinh tế

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../KH-TC

Địa danh, ngày tháng năm.....

VĂN BẢN THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KINH TẾ BÁO CÁO

Tên báo cáo:

Chủ nhiệm:

Đơn vị thực hiện:

Thành viên Tổ thẩm định gồm:.....

Nội dung thẩm định:

1. Căn cứ pháp lý

2. Cấu trúc báo cáo, các biểu bảng trong báo cáo.

3. Tình hình thực hiện khối lượng kỹ thuật

- Tăng giảm khối lượng so với đề án đã phê duyệt.

- Cơ sở pháp lý của việc thay đổi khối lượng.

4. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu giá trị khối lượng

- Tổng hợp giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán của đề án theo từng năm.

- So sánh các số liệu nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, đánh giá độ tin cậy của các số liệu.

- Tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu giá trị khối lượng.

5. Đánh giá hiệu quả vốn đầu tư

6. Các tồn tại, thiếu sót và kiến nghị

Đánh giá chung:

- Báo cáo đáp ứng hoặc không đáp ứng yêu cầu

- Đề nghị Hội đồng thẩm định thông qua hoặc không thông qua.

Những người thẩm định

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(Xác nhận)

Nguyễn Văn A, tổng hợp

Nguyễn Văn B

Nguyễn Văn C

Phụ lục 8. Mẫu phiếu đánh giá báo cáo

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CƠ QUAN QUẢN LÝ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày tháng năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO

Tên Báo cáo:

Đơn vị thực hiện:

Chủ nhiệm:

Ủy viên Hội đồng:

Đơn vị công tác:

Đánh giá theo các chỉ tiêu:

1. Hệ phương pháp và khối lượng thực hiện so với đề án được cấp thẩm quyền
phê duyệt: Phù hợp Không phù hợp

2. Độ tin cậy của các tài liệu, số liệu đã thu thập, xử lý và tổng hợp lập báo cáo:
Đạt Không đạt

3. Những kết quả nổi bật:

4. Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ

5. Độ tin cậy kết quả tính trữ lượng và tài nguyên dự báo khoáng sản
Đạt Không đạt

6. Nội dung, hình thức báo cáo và các tài liệu kèm theo
Đạt Không đạt

7. Nội dung báo cáo kinh tế
Đạt Không đạt

Tổng giá trị đề nghị thanh toán:

8. Những nội dung không phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ

9. Kiến nghị:

10. Đánh giá chung: Thông qua Thông qua có sửa chữa Không thông qua
 Đề nghị khen thưởng

**Ủy viên Hội đồng
(Ký)**

Phụ lục 9. Mẫu Biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

CƠ QUAN QUẢN LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BBTD

Địa danh, ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO

Tên báo cáo:

Chủ nhiệm:

Đơn vị thực hiện:

Thành phần tham dự:

- Số ủy viên Hội đồng tham dự: / tổng số ủy viên Hội đồng (kèm theo quyết định số ngày .../.../.. của Thủ trưởng cơ quan chủ quản đầu tư, có danh sách kèm theo), khách mời tham gia Hội đồng.

- Các ủy viên Hội đồng vắng mặt:

- Về phía đơn vị thực hiện, có

I. Nội dung hội nghị:

1. Chủ nhiệm trình bày những nội dung cơ bản của báo cáo

2. Cơ quan thẩm định trình bày các văn bản thẩm định báo cáo (có các văn bản thẩm định kèm theo)

3. Những vấn đề Hội nghị trao đổi, thảo luận:

4. Những nội dung Hội nghị thống nhất đánh giá:

4.1. Về cơ sở tài liệu lập báo cáo và độ tin cậy của chúng:

4.2. Những kết quả chủ yếu:

4.3. Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4.4. Đánh giá nội dung Báo cáo kinh tế

II. Đánh giá chung:

- Hội đồng thông qua báo cáo: số phiếu thông qua /tổng số phiếu đánh giá.

- Hội đồng thông không qua báo cáo: số phiếu không thông qua /tổng số phiếu đánh giá.

III. Kiến nghị của Hội đồng

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Phụ lục 10: Mẫu phê duyệt báo cáo kết quả đề án

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BTNMT
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /QĐ-BTNMT
Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kết quả đề án...
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG***

Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 89/2010/NĐ-CP,....;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt đề án ... ;

Xét đề nghị của Đơn vị ... tại Công văn số ... ngày ... về việc trình phê duyệt báo cáo kết quả đề án ... ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kết quả đề án.... do Đơn vị ... thực hiện.

Điều 2. Báo cáo kết quả Đề án được đưa vào cơ sở dữ liệu và nộp vào lưu trữ tại để quản lý và khai thác, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Đơn vị... và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ/ngành liên quan khác (nếu có);
- Lưu VT, Vụ TC.

DANH MỤC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM BÁO CÁO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 201... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo kết quả đề án...)

STT	Loại sản phẩm, hồ sơ, tài liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
2				
3				

* Trường hợp do Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền thì mẫu văn bản có thể được thay đổi cho phù hợp